

Số: 1807 /QĐ-ĐHBK

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh hiệu lao động tiên tiến
cho tập thể và cá nhân năm học 2019-2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ vào Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ của Đại học Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 199/QĐ-ĐHĐN ngày 10 tháng 01 năm 2012 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng; Căn cứ Quyết định số 114/QĐ-ĐHBK-HCTH, ngày 23 tháng 5 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa về việc ban hành Phụ lục Quy chế chi tiêu nội bộ;

Căn cứ Công văn số 1968/ĐHĐN-TCCB ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Đại học Đà Nẵng về việc hướng dẫn tổng kết, đánh giá thi đua, khen thưởng năm học 2019-2020;

Căn cứ danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của các đơn vị và Biên bản họp Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trường Đại học Bách khoa ngày 27/7/2020;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Thanh tra – Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến” năm học 2019-2020 cho 26 tập thể và 484 cá nhân thuộc Trường Đại học Bách khoa (danh sách kèm theo).

Điều 2. Mức tiền thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính Phủ, trích từ Quỹ thi đua, khen thưởng của Nhà trường.

- Tập thể: 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng);
- Cá nhân: 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Điều 3. Trưởng phòng Thanh tra – Pháp chế, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng các đơn vị và cá nhân có tên trong danh sách căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban TCCB (để báo cáo);
- Lưu: VT, TTPC.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đoàn Quang Vinh

DANH SÁCH
TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU
LAO ĐỘNG TIỀN TIẾN NĂM HỌC 2019 -2020
(Kèm theo Quyết định số 1807/QĐ-ĐHBK ngày 28 tháng 7 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa)

I. Tập thể Lao động tiên tiến

1. Khoa Công nghệ Nhiệt – Điện lạnh
2. Khoa Công nghệ Thông tin
3. Khoa Cơ khí
4. Khoa Cơ khí Giao thông
5. Khoa Điện
6. Khoa Điện tử - Viễn thông
7. Khoa Hóa
8. Khoa Khoa học Công nghệ Tiên tiến
9. Khoa Kiến trúc
10. Khoa Môi trường
11. Khoa Quản lý Dự án
12. Khoa Xây dựng Cầu đường
13. Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
14. Khoa Xây dựng Công trình thủy
15. Phòng Công tác Sinh viên
16. Phòng Cơ sở vật chất
17. Phòng Đào tạo
18. Phòng Kế hoạch - Tài chính
19. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
20. Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế
21. Phòng Thanh tra - Pháp chế
22. Phòng Tổ chức - Hành chính
23. Tổ Công nghệ thông tin
24. Trung tâm Học liệu và Truyền thông
25. Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp
26. Viện Khoa học và Công nghệ Bách khoa Đà Nẵng

II. Cá nhân Lao động tiên tiến

TT	Họ và tên		Đơn vị
1.	Ông	Trần Thanh Sơn	Khoa CN Nhiệt- Điện lạnh
2.	Ông	Võ Chí Chính	Khoa CN Nhiệt- Điện lạnh
3.	Ông	Mã Phước Hoàng	Khoa CN Nhiệt- Điện lạnh

TT	Họ và tên		Đơn vị
4.	Ông	Huỳnh Ngọc Hùng	Khoa CN Nhiệt- Điện lạnh
5.	Bà	Bùi Thị Hương Lan	Khoa CN Nhiệt- Điện lạnh
6.	Bà	Trần Thị Mỹ Linh	Khoa CN Nhiệt- Điện lạnh
7.	Ông	Nguyễn Đức Minh	Khoa CN Nhiệt- Điện lạnh
8.	Bà	Hồ Hoàng Quỳnh Như	Khoa CN Nhiệt- Điện lạnh
9.	Ông	Nguyễn Thành Văn	Khoa CN Nhiệt- Điện lạnh
10.	Ông	Nguyễn Tấn Khôi	Khoa Công nghệ thông tin
11.	Ông	Phạm Minh Tuấn	Khoa Công nghệ thông tin
12.	Ông	Đặng Hoài Phương	Khoa Công nghệ thông tin
13.	Ông	Ninh Khánh Duy	Khoa Công nghệ thông tin
14.	Ông	Nguyễn Văn Hiệu	Khoa Công nghệ thông tin
15.	Bà	Lê Thị Mỹ Hạnh	Khoa Công nghệ thông tin
16.	Ông	Võ Đức Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin
17.	Ông	Phạm Công Thắng	Khoa Công nghệ thông tin
18.	Ông	Mai Văn Hà	Khoa Công nghệ thông tin
19.	Bà	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Khoa Công nghệ thông tin
20.	Ông	Nguyễn Văn Nguyên	Khoa Công nghệ thông tin
21.	Bà	Bùi Thị Thanh Thanh	Khoa Công nghệ thông tin
22.	Bà	Hoàng Thị Hương	Khoa Công nghệ thông tin
23.	Ông	Đặng Thiên Bình	Khoa Công nghệ thông tin
24.	Ông	Lưu Đức Bình	Khoa Cơ khí
25.	Ông	Lê Hoài Nam	Khoa Cơ khí
26.	Ông	Hoàng Văn Thạnh	Khoa Cơ khí
27.	Ông	Võ Như Thành	Khoa Cơ khí
28.	Ông	Trần Ngọc Hải	Khoa Cơ khí
29.	Ông	Đỗ Lê Hưng Toàn	Khoa Cơ khí
30.	Ông	Nguyễn Phạm Thế Nhân	Khoa Cơ khí
31.	Ông	Đặng Phước Vinh	Khoa Cơ khí
32.	Ông	Ngô Thanh Nghị	Khoa Cơ khí
33.	Ông	Đỗ Thế Cần	Khoa Cơ khí
34.	Ông	Trần Quang Khải	Khoa Cơ khí
35.	Ông	Trần Minh Sang	Khoa Cơ khí
36.	Ông	Nguyễn Hữu Nhân	Khoa Cơ khí

TT	Họ và tên		Đơn vị
37.	Ông	Đinh Đức Hạnh	Khoa Cơ khí
38.	Ông	Võ Trần Anh	Khoa Cơ khí
39.	Ông	Trần Đình Sơn	Khoa Cơ khí
40.	Ông	Vũ Duy Thuận	Khoa Cơ khí
41.	Ông	Trần Phước Thanh	Khoa Cơ khí
42.	Ông	Phạm Nguyễn Quốc Huy	Khoa Cơ khí
43.	Ông	Trần Văn Tiến	Khoa Cơ khí
44.	Ông	Nguyễn Tấn Minh	Khoa Cơ khí
45.	Ông	Đặng Xuân Thủy	Khoa Cơ khí
46.	Ông	Nguyễn Linh Giang	Khoa Cơ khí
47.	Ông	Trần Minh Thông	Khoa Cơ khí
48.	Ông	Nguyễn Lê Minh	Khoa Cơ khí
49.	Ông	Võ Đình Trung	Khoa Cơ khí
50.	Ông	Nguyễn Phúc Nghĩa	Khoa Cơ khí
51.	Bà	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Khoa Cơ khí
52.	Ông	Phạm Quốc Thái	Khoa Cơ khí Giao thông
53.	Ông	Nguyễn Quang Trung	Khoa Cơ khí Giao thông
54.	Ông	Phan Thành Long	Khoa Cơ khí Giao thông
55.	Ông	Trần Văn Luận	Khoa Cơ khí Giao thông
56.	Ông	Nguyễn Xuân Sơn	Khoa Cơ khí Giao thông
57.	Bà	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Cơ khí Giao thông
58.	Ông	Phạm Trường Thi	Khoa Cơ khí Giao thông
59.	Ông	Nguyễn Văn Triều	Khoa Cơ khí Giao thông
60.	Ông	Nguyễn Việt Hải	Khoa Cơ khí Giao thông
61.	Ông	Dương Đình Nghĩa	Khoa Cơ khí Giao thông
62.	Ông	Phùng Minh Nguyên	Khoa Cơ khí Giao thông
63.	Ông	Lê Minh Tiến	Khoa Cơ khí Giao thông
64.	Ông	Võ Như Tùng	Khoa Cơ khí Giao thông
65.	Ông	Lê Văn Tụy	Khoa Cơ khí Giao thông
66.	Ông	Huỳnh Bá Vang	Khoa Cơ khí Giao thông
67.	Ông	Võ Anh Vũ	Khoa Cơ khí Giao thông
68.	Ông	Nguyễn Văn Thiên Ân	Khoa Cơ khí Giao thông
69.	Bà	Nguyễn Thị Kim Loan	Khoa Cơ khí Giao thông

TT	Họ và tên		Đơn vị
70.	Ông	Nguyễn Văn Quyền	Khoa Cơ khí Giao thông
71.	Ông	Nguyễn Đình Sơn	Khoa Cơ khí Giao thông
72.	Ông	Trần Văn Nam	Khoa Cơ khí Giao thông
73.	Bà	Vũ Thị Hạnh	Khoa Cơ khí Giao thông
74.	Ông	Lê Cung	Khoa Cơ khí Giao thông
75.	Bà	Tôn Nữ Huyền Trang	Khoa Cơ khí Giao thông
76.	Ông	Nguyễn Văn Yến	Khoa Cơ khí Giao thông
77.	Ông	Bùi Tuấn Việt Long	Khoa Cơ khí Giao thông
78.	Ông	Nguyễn Văn Minh	Khoa Cơ khí Giao thông
79.	Ông	Nguyễn Tiến Thừa	Khoa Cơ khí Giao thông
80.	Ông	Lê Minh Đức	Khoa Cơ khí Giao thông
81.	Ông	Nguyễn Viết Thuận	Khoa Cơ khí Giao thông
82.	Bà	Ngô Phan Thu Hương	Khoa Cơ khí Giao thông
83.	Ông	Nguyễn Võ Đạo	Khoa Cơ khí Giao thông
84.	Ông	Trịnh Xuân Long	Khoa Cơ khí Giao thông
85.	Ông	Phạm Ngọc Quang	Khoa Cơ khí Giao thông
86.	Bà	Nguyễn Thị Băng Tuyền	Khoa Cơ khí Giao thông
87.	Ông	Thái Bá Chiến	Khoa Cơ khí Giao thông
88.	Ông	Nguyễn Công Hành	Khoa Cơ khí Giao thông
89.	Ông	Nguyễn Ngọc Tân	Khoa Cơ khí Giao thông
90.	Ông	Huỳnh Đức Trí	Khoa Cơ khí Giao thông
91.	Ông	Nguyễn Văn Đông	Khoa Cơ khí Giao thông
92.	Ông	Lê Tiến Dũng	Khoa Điện
93.	Ông	Trịnh Trung Hiếu	Khoa Điện
94.	Ông	Lưu Ngọc An	Khoa Điện
95.	Ông	Phan Đình Chung	Khoa Điện
96.	Ông	Lê Đình Dương	Khoa Điện
97.	Ông	Phạm Văn Kiên	Khoa Điện
98.	Ông	Lê Hồng Lâm	Khoa Điện
99.	Ông	Lê Kim Hùng	Khoa Điện
100.	Ông	Nguyễn Hồng Việt Phương	Khoa Điện
101.	Ông	Trần Tấn Vinh	Khoa Điện
102.	Ông	Hạ Đình Trúc	Khoa Điện

TT	Họ và tên		Đơn vị
103.	Ông	Nguyễn Kim Ánh	Khoa Điện
104.	Bà	Trương Thị Bích Thanh	Khoa Điện
105.	Bà	Trần Thị Minh Dung	Khoa Điện
106.	Ông	Giáp Quang Huy	Khoa Điện
107.	Ông	Nguyễn Hoàng Mai	Khoa Điện
108.	Ông	Ngô Đình Thanh	Khoa Điện
109.	Ông	Phan Văn Hiền	Khoa Điện
110.	Ông	Nguyễn Bình Nam	Khoa Điện
111.	Bà	Nguyễn Thị Ái Nhi	Khoa Điện
112.	Ông	Nguyễn Hồ Sĩ Hùng	Khoa Điện
113.	Ông	Nguyễn Văn Tấn	Khoa Điện
114.	Ông	Võ Quang Sơn	Khoa Điện
115.	Ông	Nguyễn Quang Chung	Khoa Điện
116.	Ông	Nguyễn Thế Lực	Khoa Điện
117.	Ông	Nguyễn Quang Tân	Khoa Điện
118.	Ông	Trần Anh Tuấn	Khoa Điện
119.	Bà	Khương Thị Út Thương	Khoa Điện
120.	Bà	Đỗ Thị Thu Thảo	Khoa Điện
121.	Bà	Nguyễn Thị Hà	Khoa Điện
122.	Ông	Nguyễn Tùng Lâm	Khoa Điện
123.	Ông	Hoàng Trần Thế	Khoa Điện
124.	Ông	Trần Thái Anh Âu	Khoa Điện
125.	Bà	Nguyễn Thị Kim Trúc	Khoa Điện
126.	Ông	Ngô Minh Trí	Khoa Điện tử Viễn thông
127.	Bà	Bùi Thị Minh Tú	Khoa Điện tử Viễn thông
128.	Ông	Nguyễn Văn Cường	Khoa Điện tử Viễn thông
129.	Bà	Lê Lưu Hồng Diễm	Khoa Điện tử Viễn thông
130.	Bà	Trần Thị Minh Hạnh	Khoa Điện tử Viễn thông
131.	Ông	Nguyễn Tấn Hưng	Khoa Điện tử Viễn thông
132.	Ông	Phan Trần Đăng Khoa	Khoa Điện tử Viễn thông
133.	Ông	Trần Văn Líc	Khoa Điện tử Viễn thông
134.	Bà	Lê Thị Phương Mai	Khoa Điện tử Viễn thông
135.	Ông	Võ Tuấn Minh	Khoa Điện tử Viễn thông

TT	Họ và tên		Đơn vị
136.	Ông	Lê Hồng Nam	Khoa Điện tử Viễn thông
137.	Ông	Võ Duy Phúc	Khoa Điện tử Viễn thông
138.	Ông	Vũ Văn Thanh	Khoa Điện tử Viễn thông
139.	Ông	Huỳnh Việt Thắng	Khoa Điện tử Viễn thông
140.	Ông	Hồ Phước Tiến	Khoa Điện tử Viễn thông
141.	Ông	Thái Văn Tiến	Khoa Điện tử Viễn thông
142.	Bà	Hoàng Lê Uyên Thục	Khoa Điện tử Viễn thông
143.	Ông	Tăng Anh Tuấn	Khoa Điện tử Viễn thông
144.	Ông	Đào Duy Tuấn	Khoa Điện tử Viễn thông
145.	Ông	Nguyễn Văn Tuấn	Khoa Điện tử Viễn thông
146.	Ông	Nguyễn Duy Nhật Viễn	Khoa Điện tử Viễn thông
147.	Bà	Nguyễn Thị Hồng Yến	Khoa Điện tử Viễn thông
148.	Ông	Nguyễn Văn Hiếu	Khoa Điện tử Viễn thông
149.	Ông	Đặng Minh Nhật	Khoa Hóa
150.	Bà	Mạc Thị Hà Thanh	Khoa Hóa
151.	Bà	Nguyễn Thị Trúc Loan	Khoa Hóa
152.	Bà	Phạm Thị Hương	Khoa Hóa
153.	Ông	Huỳnh Đức	Khoa Hóa
154.	Bà	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Khoa Hóa
155.	Bà	Trần Thị Ánh Tuyết	Khoa Hóa
156.	Bà	Đào Thị Anh Thư	Khoa Hóa
157.	Bà	Nguyễn Thị Đông Phương	Khoa Hóa
158.	Bà	Nguyễn Thị Lê Thoa	Khoa Hóa
159.	Bà	Nguyễn Thị Lan Anh	Khoa Hóa
160.	Bà	Trương Thị Minh Hạnh	Khoa Hóa
161.	Ông	Nguyễn Xuân Hoàng	Khoa Hóa
162.	Ông	Bùi Viết Cường	Khoa Hóa
163.	Bà	Đoàn Ngọc Mỹ Duyên	Khoa Hóa
164.	Ông	Phạm Cẩm Nam	Khoa Hóa
165.	Ông	Trương Hữu Trì	Khoa Hóa
166.	Ông	Dương Thế Hy	Khoa Hóa
167.	Ông	Nguyễn Kim Sơn	Khoa Hóa
168.	Bà	Huỳnh Thị Thanh Thắng	Khoa Hóa

TT	Họ và tên		Đơn vị
169.	Bà	Lê Lý Thùy Trâm	Khoa Hóa
170.	Ông	Phan Thế Anh	Khoa Hóa
171.	Bà	Đoàn Thị Hoài Nam	Khoa Hóa
172.	Ông	Nguyễn Hoàng Minh	Khoa Hóa
173.	Bà	Ngô Thái Bích Vân	Khoa Hóa
174.	Ông	Võ Công Tuấn	Khoa Hóa
175.	Bà	Phạm Thị Kim Thảo	Khoa Hóa
176.	Bà	Đặng Kim Hoàng	Khoa Hóa
177.	Ông	Bùi Xuân Đông	Khoa Hóa
178.	Ông	Nguyễn Đình Minh Tuấn	Khoa Hóa
179.	Ông	Nguyễn Thanh Bình	Khoa Hóa
180.	Bà	Võ Thị Thu Hiền	Khoa Hóa
181.	Bà	Nguyễn Thị Minh Xuân	Khoa Hóa
182.	Ông	Hồ Viết Thắng	Khoa Hóa
183.	Ông	Phan Thanh Sơn	Khoa Hóa
184.	Ông	Tạ Ngọc Ly	Khoa Hóa
185.	Bà	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Khoa Hóa
186.	Ông	Nguyễn Lê Hòa	Khoa Khoa học và Công nghệ tiên tiến
187.	Bà	Nguyễn Thị Anh Thư	Khoa Khoa học và Công nghệ tiên tiến
188.	Ông	Lê Quốc Huy	Khoa Khoa học và Công nghệ tiên tiến
189.	Bà	Vũ Ngọc Hà	Khoa Khoa học và Công nghệ tiên tiến
190.	Bà	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Khoa Khoa học và Công nghệ tiên tiến
191.	Bà	Hoàng Thị Hiếu	Khoa Khoa học và Công nghệ tiên tiến
192.	Bà	Võ Thị Hoàng Châu	Khoa Khoa học và Công nghệ tiên tiến
193.	Ông	Nguyễn Trí Bằng	Khoa Khoa học và Công nghệ tiên tiến
194.	Bà	Thái Vũ Hiền	Khoa Khoa học và Công nghệ tiên tiến
195.	Ông	Nguyễn Hữu Lập Trường	Khoa Khoa học và Công nghệ tiên tiến
196.	Ông	Nguyễn Anh Tuấn	Khoa Kiến trúc
197.	Ông	Nguyễn Xuân Trung	Khoa Kiến trúc
198.	Ông	Lê Minh Sơn	Khoa Kiến trúc
199.	Ông	Lê Phong Nguyên	Khoa Kiến trúc
200.	Bà	Trương Phan Thiên An	Khoa Kiến trúc
201.	Ông	Nguyễn Ngọc Bình	Khoa Kiến trúc

TT	Họ và tên		Đơn vị
202.	Ông	Đoàn Trần Hiệp	Khoa Kiến trúc
203.	Bà	Lê Thị Kim Dung	Khoa Kiến trúc
204.	Ông	Trương Nguyễn Song Hạ	Khoa Kiến trúc
205.	Bà	Đỗ Hoàng Rong Ly	Khoa Kiến trúc
206.	Bà	Phan Ánh Nguyên	Khoa Kiến trúc
207.	Ông	Trần Văn Tâm	Khoa Kiến trúc
208.	Bà	Vũ Phan Minh Trang	Khoa Kiến trúc
209.	Bà	Nguyễn Thị Hiền	Khoa Kiến trúc
210.	Bà	Lê Thị Ngọc Hiền	Khoa Kiến trúc
211.	Ông	Nguyễn Đình Huân	Khoa Môi trường
212.	Bà	Phạm Thị Kim Thoa	Khoa Môi trường
213.	Ông	Phan Như Thúc	Khoa Môi trường
214.	Ông	Lê Năng Định	Khoa Môi trường
215.	Ông	Trần Văn Quang	Khoa Môi trường
216.	Bà	Lê Thị Thu Hường	Khoa Môi trường
217.	Bà	Nguyễn Lan Phương	Khoa Môi trường
218.	Bà	Phan Thị Kim Thủy	Khoa Môi trường
219.	Bà	Mai Thị Thùy Dương	Khoa Môi trường
220.	Bà	Lê Thị Xuân Thủy	Khoa Môi trường
221.	Ông	Võ Diệp Ngọc Khôi	Khoa Môi trường
222.	Ông	Lê Hoàng Sơn	Khoa Môi trường
223.	Ông	Đặng Quang Hải	Khoa Môi trường
224.	Ông	Dương Gia Đức	Khoa Môi trường
225.	Ông	Phạm Đình Long	Khoa Môi trường
226.	Ông	Hoàng Ngọc Ân	Khoa Môi trường
227.	Bà	Nguyễn Phước Quý An	Khoa Môi trường
228.	Bà	Trần Thị Minh Phương	Khoa Môi trường
229.	Ông	Lê Phước Cường	Khoa Môi trường
230.	Bà	Trần Vũ Chi Mai	Khoa Môi trường
231.	Bà	Hồ Hồng Quyên	Khoa Môi trường
232.	Ông	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Quản lý dự án
233.	Ông	Hồ Dương Đông	Khoa Quản lý dự án
234.	Bà	Trần Thị Hoàng Giang	Khoa Quản lý dự án

TT	Họ và tên		Đơn vị
235.	Bà	Đỗ Thanh Huyền	Khoa Quản lý dự án
236.	Bà	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Khoa Quản lý dự án
237.	Ông	Nguyễn Hồng Nguyên	Khoa Quản lý dự án
238.	Ông	Trương Ngọc Sơn	Khoa Quản lý dự án
239.	Bà	Nguyễn Thị Thu Thủy	Khoa Quản lý dự án
240.	Bà	Phạm Thị Trang	Khoa Quản lý dự án
241.	Ông	Ngô Ngọc Tri	Khoa Quản lý dự án
242.	Ông	Huỳnh Nhật Tổ	Khoa Quản lý dự án
243.	Bà	Huỳnh Thị Minh Trúc	Khoa Quản lý dự án
244.	Bà	Nguyễn Thị Hải Lý	Khoa Quản lý dự án
245.	Bà	Trương Quỳnh Châu	Khoa Quản lý dự án
246.	Ông	Mai Anh Đức	Khoa Quản lý dự án
247.	Ông	Đàm Nguyễn Anh Khoa	Khoa Quản lý dự án
248.	Bà	Nguyễn Đặng Hoàng Thư	Khoa Quản lý dự án
249.	Ông	Cao Văn Lâm	Khoa Xây dựng Cầu đường
250.	Ông	Nguyễn Thanh Cường	Khoa Xây dựng Cầu đường
251.	Bà	Trần T. Phương Anh	Khoa Xây dựng Cầu đường
252.	Ông	Nguyễn Biên Cương	Khoa Xây dựng Cầu đường
253.	Ông	Ng. Phước Quý Duy	Khoa Xây dựng Cầu đường
254.	Ông	Nguyễn Tiến Dũng	Khoa Xây dựng Cầu đường
255.	Ông	Đỗ Hữu Đạo	Khoa Xây dựng Cầu đường
256.	Bà	Nguyễn Thu Hà	Khoa Xây dựng Cầu đường
257.	Ông	Đỗ Việt Hải	Khoa Xây dựng Cầu đường
258.	Ông	Hoàng Phương Hoa	Khoa Xây dựng Cầu đường
259.	Ông	Võ Đức Hoàng	Khoa Xây dựng Cầu đường
260.	Ông	Hồ Mạnh Hùng	Khoa Xây dựng Cầu đường
261.	Ông	Võ Duy Hùng	Khoa Xây dựng Cầu đường
262.	Ông	Nguyễn Lan	Khoa Xây dựng Cầu đường
263.	Ông	Võ Hải Lăng	Khoa Xây dựng Cầu đường
264.	Ông	Lê Văn Định	Khoa Xây dựng Cầu đường
265.	Ông	Hoàng Trọng Lâm	Khoa Xây dựng Cầu đường
266.	Ông	Châu Trường Linh	Khoa Xây dựng Cầu đường
267.	Ông	Trần Đình Minh	Khoa Xây dựng Cầu đường

TT	Họ và tên		Đơn vị
268.	Ông	Nguyễn Văn Mỹ	Khoa Xây dựng Cầu đường
269.	Ông	Phan Hoàng Nam	Khoa Xây dựng Cầu đường
270.	Ông	Phạm Ngọc Phương	Khoa Xây dựng Cầu đường
271.	Bà	Đỗ Thị Phụng	Khoa Xây dựng Cầu đường
272.	Ông	Nguyễn Văn Quang	Khoa Xây dựng Cầu đường
273.	Ông	Nguyễn Văn Tê Rôn	Khoa Xây dựng Cầu đường
274.	Ông	Nguyễn Duy Thảo	Khoa Xây dựng Cầu đường
275.	Bà	Trần Thị Thu Thảo	Khoa Xây dựng Cầu đường
276.	Ông	Nguyễn Xuân Toàn	Khoa Xây dựng Cầu đường
277.	Ông	Đỗ Quang Trung	Khoa Xây dựng Cầu đường
278.	Ông	Hoàng Phương Tùng	Khoa Xây dựng Cầu đường
279.	Ông	Trần Khắc Vĩ	Khoa Xây dựng Cầu đường
280.	Ông	Phạm Văn Ngọc	Khoa Xây dựng Cầu đường
281.	Ông	Nguyễn Hoàng Vĩnh	Khoa Xây dựng Cầu đường
282.	Ông	Phan Đức Tâm	Khoa Xây dựng Cầu đường
283.	Ông	Phạm Ngọc Đức	Khoa Xây dựng Cầu đường
284.	Bà	Ng. Thị Ngọc Yến	Khoa Xây dựng Cầu đường
285.	Bà	Nguyễn Thị Phương Khuê	Khoa Xây dựng Cầu đường
286.	Ông	Vũ Hoàng Trí	Khoa Xây dựng Cầu đường
287.	Bà	Lê Thị Ái Thi	Khoa Xây dựng Cầu đường
288.	Ông	Lê Đức Châu	Khoa Xây dựng Cầu đường
289.	Ông	Trần Quang Hưng	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
290.	Ông	Nguyễn Văn Chính	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
291.	Ông	Đỗ Minh Đức	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
292.	Ông	Nguyễn Quang Tùng	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
293.	Ông	Trương Hoài Chính	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
294.	Ông	Vương Lê Thắng	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
295.	Bà	Đinh Thị Như Thảo	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
296.	Ông	Bùi Quang Hiếu	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
297.	Bà	Trần Thị Lan Oanh	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
298.	Ông	Phan Đình Hào	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
299.	Ông	Lê Xuân Dũng	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
300.	Ông	Trần Anh Thiện	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp

TT	Họ và tên		Đơn vị
301.	Bà	Lê Vũ An	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
302.	Ông	Lê Bá Định	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
303.	Ông	Phạm Ngọc Vinh	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
304.	Ông	Châu Ngọc Bảo	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
305.	Ông	Lê Xuân Quang	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
306.	Ông	Lê Khánh Toàn	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
307.	Ông	Đặng Công Thuật	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
308.	Ông	Mai Chánh Trung	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
309.	Ông	Phạm Mỹ	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
310.	Ông	Nguyễn Khánh Linh	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
311.	Ông	Đặng Hưng Cầu	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
312.	Ông	Đinh Ngọc Hiếu	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
313.	Ông	Lê Ngọc Quyết	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
314.	Ông	Nguyễn Chí Công	Khoa Xây dựng Công trình thủy
315.	Ông	Nguyễn Thanh Hải	Khoa Xây dựng Công trình thủy
316.	Ông	Nguyễn Thế Hùng	Khoa Xây dựng Công trình thủy
317.	Ông	Nguyễn Văn Hường	Khoa Xây dựng Công trình thủy
318.	Bà	Tô Thúy Nga	Khoa Xây dựng Công trình thủy
319.	Bà	Đoàn Thụy Kim Phương	Khoa Xây dựng Công trình thủy
320.	Ông	Lê Hùng	Khoa Xây dựng Công trình thủy
321.	Ông	Nguyễn Quang Bình	Khoa Xây dựng Công trình thủy
322.	Ông	Phạm Lý Triều	Khoa Xây dựng Công trình thủy
323.	Ông	Lê Văn Thảo	Khoa Xây dựng Công trình thủy
324.	Ông	Ngô Văn Dũng	Khoa Xây dựng Công trình thủy
325.	Ông	Đoàn Viết Long	Khoa Xây dựng Công trình thủy
326.	Ông	Vũ Huy Công	Khoa Xây dựng Công trình thủy
327.	Ông	Nguyễn Hoàng Lâm	Khoa Xây dựng Công trình thủy
328.	Ông	Nguyễn Công Luyến	Khoa Xây dựng Công trình thủy
329.	Bà	Đỗ Thị Kim Anh	Khoa Xây dựng Công trình thủy
330.	Bà	Hồ Anh Dung	Khoa Xây dựng Công trình thủy
331.	Ông	Võ Nguyễn Đức Phước	Khoa Xây dựng Công trình thủy
332.	Bà	Vũ Thị Tính	Khoa Xây dựng Công trình thủy
333.	Ông	Nguyễn Ngọc Hậu	Khoa Xây dựng Công trình thủy

TT	Họ và tên		Đơn vị
334.	Ông	Nguyễn Trường Huy	Khoa Xây dựng Công trình thủy
335.	Ông	Nguyễn Hữu Hiếu	Ban Giám hiệu – P.CTSV
336.	Ông	Huỳnh Hữu Hưng	Phòng Công tác Sinh viên
337.	Bà	Phan Thị Thúy Hằng	Phòng Công tác Sinh viên
338.	Bà	Đào Thị Hương Duyên	Phòng Công tác Sinh viên
339.	Bà	Nguyễn Minh Đạt	Phòng Công tác Sinh viên
340.	Bà	Trần Thanh Huyền	Phòng Công tác Sinh viên
341.	Bà	Phùng Huyền Nhung	Phòng Công tác Sinh viên
342.	Bà	Đới Phương Thanh	Phòng Công tác Sinh viên
343.	Ông	Phạm Trần Anh Trọng	Phòng Công tác Sinh viên
344.	Ông	Dương Việt Dũng	Phòng Cơ sở Vật chất
345.	Ông	Huỳnh Tấn Tiến	Phòng Cơ sở Vật chất
346.	Bà	Phan Thị Như Trang	Phòng Cơ sở Vật chất
347.	Ông	Huỳnh Dộng	Phòng Cơ sở Vật chất
348.	Bà	Lê Mai Thanh Hoàng	Phòng Cơ sở Vật chất
349.	Ông	Nguyễn Ngọc Thanh	Phòng Cơ sở Vật chất
350.	Ông	Phan Hữu Phát	Phòng Cơ sở Vật chất
351.	Ông	Hồ Văn Ly	Phòng Cơ sở Vật chất
352.	Ông	Nguyễn Văn Hoàng	Phòng Cơ sở Vật chất
353.	Bà	Nguyễn Thị Khuong Ánh	Phòng Cơ sở Vật chất
354.	Bà	Trần Thị Ngọc Ánh	Phòng Cơ sở Vật chất
355.	Ông	Nguyễn Văn Bảy	Phòng Cơ sở Vật chất
356.	Ông	Nguyễn Văn Hưng	Phòng Cơ sở Vật chất
357.	Ông	Trịnh Quang Thông	Phòng Cơ sở Vật chất
358.	Bà	Nguyễn Thị Lệ	Phòng Cơ sở Vật chất
359.	Bà	Trương Thị Nga	Phòng Cơ sở Vật chất
360.	Bà	Ngô Thị Thanh Phượng	Phòng Cơ sở Vật chất
361.	Bà	Phan Thị Thủy	Phòng Cơ sở Vật chất
362.	Ông	Nguyễn Văn Tuấn	Phòng Cơ sở Vật chất
363.	Ông	Nguyễn Ngà	Phòng Cơ sở Vật chất
364.	Ông	Lương Sơn Tùng	Phòng Cơ sở Vật chất
365.	Ông	Trương Văn Thu	Phòng Cơ sở Vật chất
366.	Ông	Hồ Quảng Việt	Phòng Cơ sở Vật chất

TT	Họ và tên		Đơn vị
367.	Bà	Trần Thị Nhâm	Phòng Cơ sở Vật chất
368.	Bà	Bùi Thị Thái	Phòng Cơ sở Vật chất
369.	Bà	Nguyễn Thị Việt	Phòng Cơ sở Vật chất
370.	Bà	Trần Thị Hoa	Phòng Cơ sở Vật chất
371.	Bà	Nguyễn Thị Yến	Phòng Cơ sở Vật chất
372.	Bà	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Phòng Cơ sở Vật chất
373.	Ông	Phan Minh Đức	Ban Giám hiệu – Phòng Đào tạo
374.	Ông	Võ Ngọc Dương	Phòng Đào tạo
375.	Bà	Nguyễn Thị Diệu Hằng	Phòng Đào tạo
376.	Ông	Nguyễn Anh Tuấn	Phòng Đào tạo
377.	Bà	Trương Thị Kim Chi	Phòng Đào tạo
378.	Bà	Lê Thị Ngọc Hà	Phòng Đào tạo
379.	Bà	Nguyễn Thị Hải Hà	Phòng Đào tạo
380.	Bà	Phạm Thị Hoàng Lý	Phòng Đào tạo
381.	Ông	Lê Hoài Nam	Phòng Đào tạo
382.	Bà	Nguyễn Thị Hoài Nhi	Phòng Đào tạo
383.	Bà	Nguyễn Thị Khánh Vân	Phòng Đào tạo
384.	Ông	Hoàng Quang Huy	Phòng Kế hoạch – Tài chính
385.	Ông	Nguyễn Anh Huân	Phòng Kế hoạch – Tài chính
386.	Bà	Lâm Thị Hồng Tâm	Phòng Kế hoạch – Tài chính
387.	Bà	Dương Thị Nga	Phòng Kế hoạch – Tài chính
388.	Bà	Nguyễn Thị Hạnh	Phòng Kế hoạch – Tài chính
389.	Bà	Trần Thị Như Linh	Phòng Kế hoạch – Tài chính
390.	Bà	Nguyễn Thị Thảo Sương	Phòng Kế hoạch – Tài chính
391.	Bà	Phạm Thị Thu Hiền	Phòng Kế hoạch – Tài chính
392.	Ông	Phạm Văn Tuấn	Phòng Khảo thí và Đảm bảo CLGD
393.	Bà	Phạm Thị Đoan Trinh	Phòng Khảo thí và Đảm bảo CLGD
394.	Ông	Nguyễn Thanh Nam	Phòng Khảo thí và Đảm bảo CLGD
395.	Ông	Nguyễn Văn Khai	Phòng Khảo thí và Đảm bảo CLGD
396.	Bà	Võ Thị Châu	Phòng Khảo thí và Đảm bảo CLGD
397.	Bà	Võ Lê Hoàng Quyên	Phòng Khảo thí và Đảm bảo CLGD
398.	Bà	Phạm Lê Hương Chi	Phòng Khảo thí và Đảm bảo CLGD
399.	Bà	Lê Thị Kim Oanh	Ban Giám hiệu - Phòng KHCN & HTQT

TT	Họ và tên		Đơn vị
400.	Ông	Nguyễn Đình Lâm	Phòng Khoa học Công nghệ & HTQT
401.	Ông	Tào Quang Bảng	Phòng Khoa học Công nghệ & HTQT
402.	Ông	Tạ Minh Bảo	Phòng Khoa học Công nghệ & HTQT
403.	Ông	Nguyễn Thành Công	Phòng Khoa học Công nghệ & HTQT
404.	Bà	Hoàng Nguyễn Diệu Trang	Phòng Khoa học Công nghệ & HTQT
405.	Bà	Nguyễn Hồng Liên	VP Công đoàn - Phòng KHCN & HTQT
406.	Bà	Bùi Nữ Thanh Hà	Phòng Thanh tra – Pháp chế
407.	Bà	Trần Diễm Thi	Phòng Thanh tra – Pháp chế
408.	Ông	Phan Thanh Long	Phòng Thanh tra – Pháp chế
409.	Bà	Lê Thị Thanh Thu	Phòng Thanh tra – Pháp chế
410.	Bà	Nguyễn Thị Phương Thúy	Phòng Thanh tra – Pháp chế
411.	Ông	Đoàn Quang Vinh	Ban Giám hiệu - Phòng TCHC
412.	Ông	Nguyễn Quang Trung	Phòng Tổ chức – Hành chính
413.	Ông	Nguyễn Văn Cả	Phòng Tổ chức – Hành chính
414.	Bà	Lâm Thị Hồng Nhật	Phòng Tổ chức – Hành chính
415.	Bà	Trần Thị Dung	Phòng Tổ chức – Hành chính
416.	Bà	Trương Thị Mỹ Hiền	Phòng Tổ chức – Hành chính
417.	Ông	Nguyễn Minh Hiếu	Phòng Tổ chức – Hành chính
418.	Bà	Trần Thị Nam	Phòng Tổ chức – Hành chính
419.	Ông	Nguyễn Thiện Phúc	Phòng Tổ chức – Hành chính
420.	Bà	Trần Thị Thủy	Phòng Tổ chức – Hành chính
421.	Ông	Nguyễn Vĩnh Thịnh	Phòng Tổ chức – Hành chính
422.	Bà	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Tổ chức – Hành chính
423.	Bà	Trương Thị Thanh Mai	Phòng Tổ chức – Hành chính
424.	Ông	Nguyễn Văn Tuấn	Phòng Tổ chức – Hành chính
425.	Ông	Dương Hoài Thọ	Phòng Tổ chức – Hành chính
426.	Bà	Dương Thị Hồng	Phòng Tổ chức – Hành chính
427.	Bà	Dương Thị Hường	Phòng Tổ chức – Hành chính
428.	Bà	Đào Thị Sinh	Phòng Tổ chức – Hành chính
429.	Bà	Đoàn Thị Tố Nga	Phòng Tổ chức – Hành chính
430.	Bà	Huỳnh Thị Liên	Phòng Tổ chức – Hành chính
431.	Bà	Cầm Thị Thu Hương	Phòng Tổ chức – Hành chính
432.	Bà	Nguyễn Thị Diễm Hằng	Phòng Tổ chức – Hành chính

TT	Họ và tên		Đơn vị
433.	Bà	Nguyễn Thị Lan	Phòng Tổ chức – Hành chính
434.	Bà	Nguyễn Thị Kim Quy	Phòng Tổ chức – Hành chính
435.	Bà	Nguyễn Thị Thảo	Phòng Tổ chức – Hành chính
436.	Bà	Vũ Thị Thêm	Phòng Tổ chức – Hành chính
437.	Bà	Ngô Thị Xuân	Phòng Tổ chức – Hành chính
438.	Ông	Hoàng Văn Bôn	Phòng Tổ chức – Hành chính
439.	Ông	Nguyễn Kính	Phòng Tổ chức – Hành chính
440.	Ông	Nguyễn Văn Thêm	Phòng Tổ chức – Hành chính
441.	Ông	Hồ Anh Tài	Phòng Tổ chức – Hành chính
442.	Ông	Hoàng Vũ Khánh	Phòng Tổ chức – Hành chính
443.	Ông	Trần Ngọc Ba	Phòng Tổ chức – Hành chính
444.	Ông	Nguyễn Vinh	Phòng Tổ chức – Hành chính
445.	Ông	Trần Hữu Dũng	Phòng Tổ chức – Hành chính
446.	Ông	Phạm Thành Hưng	Trung tâm Học liệu và Truyền thông
447.	Bà	Phan Thị Hà Thanh	Trung tâm Học liệu và Truyền thông
448.	Bà	Hoàng Thị Nhung	Trung tâm Học liệu và Truyền thông
449.	Ông	Tôn Thất Minh Mẫn	Trung tâm Học liệu và Truyền thông
450.	Bà	Võ Thị Thu Hương	Trung tâm Học liệu và Truyền thông
451.	Bà	Nguyễn Thị Phụng	Trung tâm Học liệu và Truyền thông
452.	Bà	Trần Thị Quý Dung	Trung tâm Học liệu và Truyền thông
453.	Bà	Nguyễn Thị Mai Hà	Trung tâm Học liệu và Truyền thông
454.	Bà	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Trung tâm Học liệu và Truyền thông
455.	Bà	Hoàng Thị Thu Sương	Trung tâm Học liệu và Truyền thông
456.	Ông	Đặng Ngọc Tuấn	Trung tâm Học liệu và Truyền thông
457.	Bà	Nguyễn Thị Xuân Tươi	Trung tâm Học liệu và Truyền thông
458.	Bà	Nguyễn Thanh Huyền	Trung tâm Học liệu và Truyền thông
459.	Ông	Nguyễn Quang Trung	Trung tâm Học liệu và Truyền thông
460.	Ông	Mai Thanh Bình	Trung tâm Học liệu và Truyền thông
461.	Ông	Trần Thanh Sơn	Trung tâm Học liệu và Truyền thông
462.	Bà	Lê Thị Kim Ngân	Trung tâm Học liệu và Truyền thông
463.	Ông	Huỳnh Thanh Tùng	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và QHDN
464.	Ông	Phan Minh Thắng	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và QHDN
465.	Ông	Trần Nãi	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và QHDN
466.	Bà	Lê Hồng Phúc	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và QHDN
467.	Bà	Lê Thị Minh Hiền	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và QHDN

TT	Họ và tên		Đơn vị
468.	Ông	Nguyễn Trung Tiến	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và QHDN
469.	Ông	Phạm Viết Thương	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và QHDN
470.	Ông	Nguyễn Văn Chính	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và QHDN
471.	Ông	Nguyễn Anh Sơn	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và QHDN
472.	Bà	Lê Thị Hoa	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và QHDN
473.	Bà	Vũ Thị Quyên	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và QHDN
474.	Bà	Hoàng Thị Duyên	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và QHDN
475.	Ông	Phùng Đình Khai	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và QHDN
476.	Ông	Phạm Anh Tuấn	Tổ Công nghệ thông tin
477.	Ông	Võ Ngọc Hải	Tổ Công nghệ thông tin
478.	Ông	Nguyễn Công Kha	Tổ Công nghệ thông tin
479.	Bà	Huỳnh Thị Đoan Phượng	Tổ Công nghệ thông tin
480.	Ông	Nguyễn Năng Hùng Văn	Tổ Công nghệ thông tin
481.	Ông	Đào Ngọc Thế Lực	Viện Khoa học và Công nghệ BK ĐN
482.	Bà	Phạm Thị Quỳnh Giao	Viện Khoa học và Công nghệ BK ĐN
483.	Bà	Nguyễn Thị Xuân Thu	Văn phòng Đoàn Thanh niên
484.	Bà	Đinh Thị Thanh	Văn phòng Đoàn Thanh niên

***Tổng cộng: 26 đơn vị đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến
484 cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến./.***